

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTH, sinh năm 1989; ĐKKHKT: Số 54B/7 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 27/lô 5/317C C, phường D, quận E, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh DNA, sinh năm 1984; ĐKKHKT: Số 54B/7 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 29/26/17 F, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị NTH có đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh DNA được ly hôn và trình bày:

Chị và anh DNA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 4 năm 2008. Quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh DNA hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến năm 2018 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên đánh cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Từ tháng 03 năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân chị không còn tình cảm gì với anh DNA và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, chị NTH làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh DNA.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là: G, sinh ngày 03/01/2009 và H, sinh ngày 09/8/2011. Ly hôn chị đề nghị để chị được nuôi con G, để anh DNA được nuôi con H cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh DNA tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh DNA có bản tự khai đề ngày 14/6/2021, anh DNA thống nhất với chị NTH về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung như chị NTH trình bày. Tuy nhiên anh DNA cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị chỉ là những va chạm nhỏ trong cuộc sống hằng ngày mà gia đình nào cũng có, chưa đến mức trầm trọng, anh không đánh đập chị NTH như chị NTH trình bày, việc chị NTH tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống chỉ là sự giận dỗi nhất thời của chị NTH. Anh vẫn còn tình cảm với chị NTH, mong chị NTH suy nghĩ lại về chung sống với anh để các con có đầy đủ tình thương của cả bố lẫn mẹ. Trong trường hợp chị NTH vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai con vì anh không muốn các con bị xáo trộn nơi sinh hoạt, ăn ở, học tập. Việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị NTH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh và chị NTH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Từ khoảng tháng 3 năm 2021 cho đến nay chị NTH bỏ về nhà bố đẻ ở, không còn chung sống với anh DNA nữa, chỉ thỉnh thoảng về thăm bố mẹ chồng và các con. Việc chị NTH khởi kiện xin ly hôn anh DNA, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình anh DNA thể hiện: Quá trình chị NTH và anh DNA chung sống chỉ có những va chạm nhỏ. Cho đến khi mẹ đẻ chị NTH ốm, anh chị ấy xảy ra việc cãi vã nhau vì lý do chăm sóc mẹ. Cũng từ đó chị NTH bỏ về

nhà bố đẻ sinh sống và ly thân với anh DNA. Gia đình đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình chị NTH thể hiện: Trong quá trình chung sống chị NTH và anh DNA phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh DNA đã nhiều lần có hành vi, lời nói không đúng mực với vợ và có việc đánh chị NTH. Chị NTH đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở để tránh xô xát. Cho đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Gia đình đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết cho chị NTH sớm được ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa chị NTH có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh DNA. Chị NTH trình bày nguyên nhân sâu xa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng là do vào năm 2018 mẹ đẻ của chị NTH bị ung thư phải điều trị tại bệnh viện, anh DNA đã không động viên, chia sẻ với chị lại còn có những hành động thể hiện sự ích kỷ của bản thân, không quan tâm đến mẹ vợ, điều đó dẫn đến việc chị dần mất hết tình cảm với anh DNA. Chị NTH cho rằng anh DNA là con rể đáng ra khi mẹ vợ ốm nặng phải có trách nhiệm cùng chị chăm sóc mẹ, đó là đạo hiếu của người Việt Nam cũng là nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ nhưng anh DNA không làm được điều đó nên chị NTH thấy không thể tiếp tục chung sống với anh DNA được nữa vì vợ chồng sống cần có sự tôn trọng, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ mọi công việc trong gia đình. Chị đã không nhận được sự tôn trọng, yêu thương của anh DNA cũng như sự san sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ của anh DNA khi mẹ chị bị bệnh nặng điều đó chứng tỏ anh DNA không hề coi trọng, yêu thương chị cũng như gia đình nhà vợ. Chị đã cố gắng nhiều năm để chung sống với anh DNA vì thương các con còn nhỏ dại, muốn các con có đủ bố mẹ. Nhưng cho đến nay, anh DNA không thay đổi tính cách, các con của chị đã phần nào khôn lớn nên chị tha thiết mong muốn Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh DNA để chị được thanh thản sống, làm việc và nuôi các con.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56,

Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị NTH được ly hôn anh DNA. Về con chung: Giao con chung là G, sinh ngày 03/01/2009 cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là H, sinh ngày 09/8/2011 cho anh DNA trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại số 29/26/17 F, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTH và anh DNA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi chị NTH, anh DNA cư trú thấy quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ đầu năm 2021 cho đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị NTH và anh DNA là có thật. Trong bản tự khai, biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị NTH đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm

sống và các nguyên nhân sâu xa như chị NTH đã trình bày, chị không còn một chút tình cảm gì với anh DNA, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Anh DNA vẫn mong muốn Tòa án giải quyết cho anh chị được về đoàn tụ, tuy nhiên trên thực tế anh chị đã sống ly thân, anh DNA cũng không đưa ra được bất cứ phương án nào để chị NTH thay đổi suy nghĩ quay về chung sống với anh. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị NTH là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: G, sinh ngày 03/01/2009 và H, sinh ngày 09/8/2011. Ly hôn chị NTH đề nghị để chị được nuôi con G, để anh DNA được nuôi con H. Việc cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận với anh DNA và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu G là con gái lại đang bước vào tuổi dậy thì, tâm sinh lý sẽ thay đổi nên cần được ở với mẹ để mẹ chăm sóc là phù hợp, mặt khác sau khi ly hôn người phụ nữ phải chịu nhiều mất mát, thiệt thòi hơn cả nên cần có con gái bên cạnh để động viên, an ủi, sẻ chia và cũng là động lực để chị NTH tiếp tục phấn đấu trong cuộc sống. Cháu H vẫn còn nhỏ nên cần được ở với bố để tiện việc sinh hoạt, học tập cho ổn định. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con G cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng, giao con H cho anh DNA trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị NTH và anh DNA tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên đương sự có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau.

[7] Về các vấn đề khác: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị NTH phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị NTH được ly hôn anh DNA.

2. Về con chung: Giao con chung là G, sinh ngày 03/01/2009 cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là H, sinh ngày 09/8/2011 cho anh DNA trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị NTH và anh DNA tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Chị NTH phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010261, ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị NTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường A, B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương